

Số: 26/2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2024

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 20/2022/TT-BGTVT NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2022 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỂU MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN, SỔ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẤP CHO TÀU BIỂN, Ụ NỎI, KHO CHỨA NỎI, GIÀN DI ĐỘNG, PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nôi, kho chứa nôi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nôi, kho chứa nôi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (sau đây viết tắt là Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT)

1. Bổ sung cụm từ “tàu lặn” vào sau cụm từ “tàu biển” tại tên Thông tư, Điều 1, Điều 2, khoản 1 Điều 4, Điều 6, Điều 7 và tên Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT.

2. Thay thế Mẫu số III.04, III.05, III.06, III.07 và III.08 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT tương ứng bằng các Mẫu số III.04, III.05, III.06, III.07 và III.08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra vận bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang****PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số III.04



GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Tên/ký hiệu thiết kế: /

Loại thiết kế:

Kiểu và công dụng của tàu:.....

Vật liệu thân tàu:.....

Chiều dài (Lmax/L):(m); Tổng dung tích (GT):

Chiều rộng (Bmax/B):(m); Trọng tải toàn phần (DW):(tấn)

Chiều cao mạn (D):.....(m); Số thuyền viên:(người)

Chiều chìm thiết kế (d):.....(m); Số hành khách/người khác:/..... (người)

Ký hiệu máy chính:; Số lượng:(chiếc); Công suất:..... (sức ngựa)

Cấp tàu:.....

Vùng hoạt động:

Đã được thiết kế phù hợp với:

Số thẩm định:.....

Giấy đề nghị thẩm định thiết kế số:..... Ngày:.....

Đơn vị thiết kế:

Chủ sử dụng thiết kế:

Số lượng đóng:(chiếc); Nơi đóng:.....

Đơn vị đăng kiểm giám sát:.....

Những lưu ý: /.

Cấp tại , ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK01-TNĐ

.....
(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền

Mẫu số III.05



GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ SỬA ĐỔI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Căn cứ Giấy đề nghị số:.....Ngày:.....

Của:.....

Về việc sửa đổi thiết kế có tên/ký hiệu:

.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế số:..... Ngày:.....

Số thẩm định:.....

Các sửa đổi sau được chấp nhận:

.....

Đã được thiết kế phù hợp với:

Số thẩm định mới:.....

Ký hiệu của thiết kế sửa đổi:.....

Những lưu ý:

Cấp tại , ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK02-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền

Mẫu số III.06



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ HOÁN CẢI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Tên tàu/ký hiệu thiết kế ban đầu: /

Số Đăng kiểm/Phân cấp:.....

Đã được:.....thẩm định thiết kế; Ngày thẩm định:

Số thẩm định thiết kế ban đầu:.....

Tên tàu/ký hiệu thiết kế sau hoán cải:

Thông số cơ bản của tàu sau hoán cải

Chiều dài (Lmax/L):(m); Tổng dung tích (GT):

Chiều rộng (Bmax/B):(m); Trọng tải toàn phần (DW):(tấn)

Chiều cao mạn (D):(m); Số thuyền viên:(người)

Chiều chìm thiết kế (d):.....(m); Số hành khách/người khác:/..... (người)
Kiểu tàu và công dụng:.....
Ký hiệu máy chính:; Số lượng: (chiếc); Công suất:
.....(sức ngựa)
Cấp tàu:.....
Vùng hoạt động:
Nội dung hoán cải:
.....
Đã được thiết kế phù hợp với:
Số thẩm định thiết kế hoán cải:.....
Công văn đề nghị thẩm định số:.....Ngày:.....
Đơn vị thiết kế:
Chủ sử dụng thiết kế:
Nơi thi công:
Đơn vị đăng kiểm giám sát:.....
Những lưu ý: /.

Cấp tại , ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK03-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền

Mẫu số III.07



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ MẪU PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số:

..... CHỨNG NHẬN: (*)

Tên/ký hiệu mẫu phương tiện: /

Đơn vị đề nghị thẩm định mẫu:.....

Giấy đề nghị thẩm định thiết kế số:.....Ngày:

Đơn vị xây dựng mẫu:

Kiểu và công dụng của phương tiện:

Vật liệu thân tàu:

Chiều dài từ:(m); đến:(m)

Chiều rộng từ:(m); đến:(m)

Chiều cao mạn từ:(m); đến:(m)

Chiều chìm từ:(m); đến:(m)

Trọng tải toàn phần từ:(tấn); đến:(tấn)

Số lượng khách từ:(người); đến:(người)
Kiểu lắp đặt máy chính:; Công suất từ:đến.....
.....(sức ngựa)
Đã được tính toán và kiểm tra phù hợp với:.....
Cấp tàu:.....
Vùng hoạt động:.....
Số thăm định mẫu:.....Ngày thăm định:.....
Đơn vị ĐK sử dụng mẫu:.....
Những lưu ý: /.

Cấp tại , ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK01M-TNĐ

(*) Tên cơ quan, đơn vị có thẩm quyền

Mẫu số III.08



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

SAO VÀ THĂM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA THEO MẪU

Số:
Tên phương tiện:
Chủ phương tiện:
Địa chỉ:
Vật liệu:.....; Công dụng:.....
Chiều dài (Lmax/L):(m); Chiều rộng (Bmax/B):.....(m)
Chiều cao mạn (D):.....(m); Trọng tải TP/Lượng hàng:/ (tấn)
Chiều chìm (d):.....(m); Số người chở:(người)
Mạn khô (F):.....(mm); Số thuyền viên: (người)
Máy chính/kiểu lắp đặt:; Công suất:..... (sức ngựa)
Căn cứ mẫu tàu định hình, ký hiệu mẫu tàu:đã được Cục Đăng
kiểm Việt Nam thăm định thiết kế, số thăm định mẫu tàu: Ngày
thăm định:.....
Tên đơn vị đăng kiểm sao thăm định
Chứng nhận phương tiện nêu trên nằm trong phạm vi mẫu định hình đã được Cục Đăng kiểm Việt
Nam thăm định;
Vùng hoạt động:
Số sao và thăm định thiết kế theo mẫu tàu:; Số lượng:..... (chiếc)
Đơn vị đăng kiểm giám sát:.....
Những lưu ý: /.

Cấp tại , ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TK01STĐM - TNĐ

Lưu ý: Mẫu này chỉ dùng để sao và thẩm định các mẫu định hình đã được Cục ĐKVN công nhận